

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2024
V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hải;
- Ông Huỳnh Văn Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 66, đường CS, Tổ MH, Ấp M, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Dương Văn D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 66, đường CS, Tổ MH, Ấp M, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Kim Đ và ông Dương Văn D kết hôn vào năm 1991, ông bà không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà Đ và ông D chung sống hạnh phúc, khoảng 10 năm nay bà Đ và ông D bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vấn đề về tiền bạc, ông D không quan tâm lo lắng cho gia đình. Bà Đ và ông D đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà Đ và ông D còn sống chung nhà nhưng mỗi người ở một phòng, không còn đời sống

vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay. Bà Đ nhận thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì không có hạnh phúc và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà Đ cũng đã không còn tình cảm với ông Dững. Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông D có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh năm 1993 và Nguyễn Kim N, sinh năm 1997. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Dương Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà Đ chung sống với nhau vào năm 1991, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau có phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nhưng vấn đề không lớn. Ông D và bà Đ không còn đời sống vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng sống chung nhà nhưng mỗi người một phòng. Ông D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, ông D vẫn còn tình cảm và quan tâm cho bà Đ nên yêu cầu được hàn gắn tình cảm, không đồng ý ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Ông D và bà Đ có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh năm 1993 và Nguyễn Kim N, sinh năm 1997, con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Kim Đ yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn D, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không có yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn”.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Dương Văn D là bị đơn trong vụ án có địa chỉ: Số 66, đường CS, Tổ MH, Ấp M, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim Đ và ông Dương Văn D thừa nhận ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho đến

nay, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử nhận định, bà Đ và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông D không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông D cũng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.”.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Kim Đ và ông Dương Văn D theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Kim Đ và ông Dương Văn D có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh năm 1993 và Nguyễn Kim N, sinh năm 1997, hai con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ và ông D cùng trình bày ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Dương Văn D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Kim Đ và ông Dương Văn D.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Kim Đ và ông Dương Văn D có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh năm 1993 và Nguyễn Kim N, sinh năm 1997, hai con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Kim Đ và ông Dương Văn D cùng trình bày ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Kim Đ phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0009769 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Ông Dương Văn D không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng